TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: **12/6/2019**
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba
2. Ông Nguyễn Phước Lộc

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/5/2019 và ngày 12/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc:*"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 138/2019/TB-TA ngày 04/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 6, thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Trang Đ,** sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 6, thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, tôi và chị Huỳnh Thị Trang Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc ngày 11/4/2015. Vợ chồng không có con chung. Tôi và chị Đài có một số tư trang là 19

chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k, hiện tại chị Đài đang cất giữ số nữ trang này.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do cách xử sự không đúng mực của chị Đ đối với gia đình tôi. Trước đây vợ chồng sống chung với gia đình tôi nhưng do chị Đ muốn dọn ra riêng nhưng tôi là con trai duy nhất muốn sống cùng cha mẹ để tiện bề phụng dưỡng, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị Đ có những lời lẽ và hành vi cư xử không đúng mực xúc phạm tôi và gia đình tôi.

Do không chịu được thái độ của chị Đ, cha mẹ tôi dựng một căn nhà tạm cho hai vợ chồng ra ở riêng. Một lần xảy ra mâu thuẫn, chị Đ bỏ nhà đi mang theo tài sản chung và những giấy tờ của vợ chồng đi.

Tôi và chị Đ sống chung với nhau được hơn 03 năm nhưng tính tình của chị Đ tôi không thể chấp nhận, hiện nay tôi không còn tình cảm với chị Đ, nếu có kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Huỳnh Thị Trang Đ.

Về con chung: Tôi và chị Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và chị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Thị Trang Đ trình bày:

Về con chung anh X trình bày là đúng, tôi không có ý kiến gì thêm. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và công nợ chung tôi có ý kiến như sau:

Tôi không đồng ý với ý kiến của anh X vì bản thân tôi vẫn làm tròn nghĩa vụ của người vợ, người con trong gia đình. Mâu thuẫn một phần vì gia đình anh X cho rằng gia đình bên tôi nghèo nên không chấp nhận tôi. Mặc khác do trước đây tôi có mang thai nhưng không giữ được, từ đó gia đình anh X hối thúc anh X ly hôn với tôi để cưới người khác để sinh con. Từ đó tình cảm gia đình bắt đầu rạn nức nhưng mâu thuẫn giữa tôi và anh X chưa đến mức trầm trọng.

Về tài sản chung trước đây vợ chồng tôi có 19 chỉ vàng 24k nhưng tôi đã dùng để trang trãi cuộc sống trong gia đình. Ngoài ra không có thêm bất kỳ số vàng nào khác như phần trình bày của anh X.

Về công nợ chung: Tôi và anh X có nợ bà Nguyễn Đặng Tú Uyên số tiền 50.000.000đồng, nay anh X yêu cầu ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án xem xét số tiền nợ chung này.

Xét thấy bản thân tôi vẫn đúng mực trong cách cư xử của một thành viên trong gia đình chồng, vẫn yêu thương chồng nên nay anh X yêu cầu ly hôn thì tôi

không đồng ý.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97 BLTTDS như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Thẩm phán vi phạm thời hạn thụ chuẩn bị xét xử. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục do BLTTDS quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh X được ly hôn với chị Đ.

Anh X và chị Đ xác nhận không có con chung và tài chung cho rằng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về công nợ chung: Do chị Đ không cung cấp được địa chỉ hiện tại của chị Uyên nên không có căn cứ xem xét trong vụ án này.

XÉT THẤY

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án "Xin ly hôn" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn X và chị Huỳnh Thị Trang Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2015 tại UBND thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc.

Quá trình lấy lời khai, hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh X cho rằng do không thể chịu đựng tính cách của chị Đi nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Đ, còn chị Đ không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu, quan điểm của các đương sự nhận thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh X và chị Đ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh X thì vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do chị Đ không tôn trọng, có lời lẽ xúc phạm gia đình nhà chồng và muốn dọn ra, hiện tại hai người đã sống ly thân hơn một năm. Qua xác minh tại biên bản ngày 09/5/2019 (Bút lục 31) xác định lời khai của anh X có căn cứ. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai người hiện nay đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn, nếu có kéo dài thì mục đích hôn nhân

cũng không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của anh X là chính đáng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cho anh X được ly hôn với chị Đ.

[4] Về con chung: Anh X và chị Đ đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung:

Về tài sản chung: Chị Đ thừa nhận vợ chồng có 19 chỉ vàng 24k, không có 06 chỉ vàng 18k nhưng anh X trình bày. Tuy nhiên, anh X cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh X, chị Đ đều thống nhất tài sản chung sẽ tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về công nợ chung: Tại bản tự khai ngày 21/12/2018 (Bút lục 16) cũng như qua hai lần hòa (bút lục 23-25; 29-30) chị Đ và anh X đều xác nhận không có nhưng tại phiên tòa ngày 28/5/2019, chị Đ cung cấp Giấy mượn tiền của bà Nguyễn Đặng Tú Uyên và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị Đ cho rằng bà Uyên hiện nay đang sinh sống tại thị trấn An Thới. Xét thấy, vụ án phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa và ra thông báo để chị Đ cung cấp địa chỉ của bà Uyên tại thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thông báo nhưng chị Đ không cung cấp được nên không có căn cứ giải quyết. Khi bà Uyên có yêu cầu đòi nợ sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Xinh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn X được ly hôn với chị Huỳnh Thị Trang Đ.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn X và chị Huỳnh Thị Trang Đ xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung:

Về tài sản chung: Anh X và chị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Do chị Đ không cung cấp được địa chỉ hiện tại của chủ

nợ nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Khi bà Uyên có yêu cầu đòi nợ sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Xinh đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008130, ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, anh X đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trang